



PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG ANH LỚP 1

Fun time 4 · Ôn Unit 13–14 (SGK tr. 63–64)



Tuần 30

Họ và tên:

Lớp:

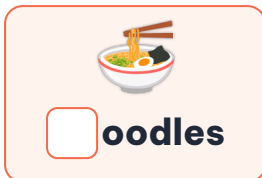


Bài 1: Write the letters – viết chữ cái hoa, chữ thường theo mẫu

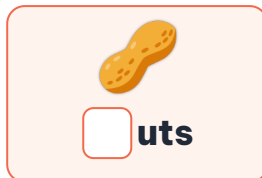
Mẫu: Nn Tt

Mỗi dòng một chữ cái: chữ hoa trước, chữ thường sau (Nn, Tt). Chưa cần viết từ.

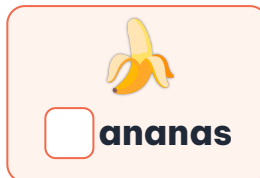
Bài 2: Look and write – nhìn hình, viết chữ cái đầu



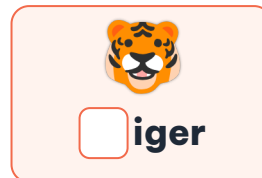
oodles



uts



ananas



iger

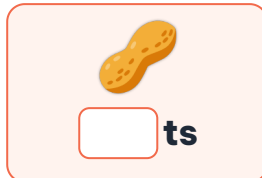


urtle

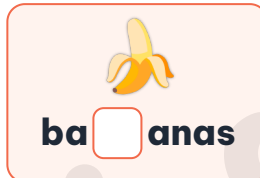
Bài 3: Look and write – viết chữ cái còn thiếu (1–2 chữ)



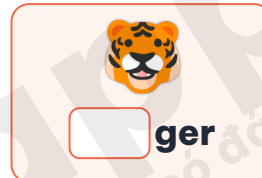
oodles



ts



ba anas



ger



urtle

Bài 4: Match – bố mẹ đọc từ, bé nối hình với từ



•



•



•



•



•

nuts

turtle

tiger

noodles

bananas

Bài 5: Listen and circle – bố mẹ đọc to từ, bé khoanh chữ cái

1. Bố mẹ đọc «noodles» – chữ cái đầu là:

2. Bố mẹ đọc «nuts» – chữ cái đầu là:

3. Bố mẹ đọc «bananas» – chữ cái đầu là:

4. Bố mẹ đọc «tiger» – chữ cái đầu là:

n	i	g
m	n	l
t	c	b
t	d	h

Bài 6: Listen and choose – bố mẹ đọc câu và hai ý, bé chọn

1. Bố mẹ đọc: «She's having noodles.» Câu này nghĩa là:

(A) Bạn ấy đang ăn mì. (B) Bạn ấy đang ăn lạc.

2. Bố mẹ đọc: «I can see a tiger.» Câu này nghĩa là:

(A) Tôi nhìn thấy một con hổ. (B) Tôi nhìn thấy một con rùa.



ĐÁP ÁN – TIẾNG ANH LỚP 1

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài



Tuần 30

Bài 1: Write the letters – viết chữ cái hoa, chữ thường theo mẫu

Nn, Tt

Bài 2: Look and write – nhìn hình, viết chữ cái đầu

 - noodles  - nuts  - bananas  - tiger  - turtle

Bài 3: Look and write – viết chữ cái còn thiếu (1-2 chữ)

 - noodles  - nuts  - bananas  - tiger  - turtle

Bài 4: Match – bố mẹ đọc từ, bé nối hình với từ

 - noodles  - nuts  - bananas  - tiger  - turtle

Bài 5: Listen and circle – bố mẹ đọc to từ, bé khoanh chữ cái

1. **A** (n) 2. **B** (n) 3. **C** (b) 4. **A** (t)

Bài 6: Listen and choose – bố mẹ đọc câu và hai ý, bé chọn

1. **A** (Bạn ấy đang ăn mì.) 2. **A** (Tớ nhìn thấy một con hổ.)

onthi.app/phieu-bai-tap – in miễn phí cả 35 tuần, có đáp án

🌟 Ôn Thi · học như chơi, lớp 1-5